

Ngày 14-3-2024

Về việc ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Cương;  
2. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị T**, sinh năm 1996 - (có mặt);

Nơi ĐKKHKT: Thôn An Thành, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Cao, xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: Anh **Bùi Trọng T1**, sinh năm 1996 - (có mặt).

Nơi cư trú: **Thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa chị **Mai Thị T** trình bày:

Chị và anh **Bùi Trọng T1** có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang vào ngày 07/11/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: do anh **T1** chơi bời không chăm lo đến vợ con, chị đã khuyên và bỏ qua cho anh **T1** nhưng anh **T1** vẫn không bỏ được và gia đình đã phải bỏ tiền ra để giải quyết nợ nần cho anh **T1**

nhưng anh **T1** không hề thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng lớn, đến tháng 4/2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng chị về nhà ngoại sinh sống và đi làm ở **thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang**, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa chị thay đổi nơi ở của chị về **Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên**. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh **Bùi Trọng T1**.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là **Bùi Trọng H**, sinh ngày 21/5/2018. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh **T1** và ông bà nội. Sau khi ly hôn chị xin được nuôi cháu. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại bản ghi ý kiến, biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa anh **Bùi Trọng T1** trình bày:

Anh và chị **Mai Thị T** có được tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào ngày 07/11/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: do chị **T** và bố mẹ anh không hợp trong quá trình chung sống, 02 vợ chồng anh cũng không hợp và do anh chơi bời. Vợ chồng anh mâu thuẫn trầm trọng đã hòa giải, nói chuyện nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống được vì quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không hợp nhau, cách nghĩ, cách làm không thống nhất hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, dần dần mâu thuẫn của vợ chồng anh trở nên trầm trọng và chị **T** về ngoại sinh sống, vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay chị **T** có đơn xin ly hôn, tuy vợ chồng anh đã sống ly thân và tình cảm không còn như trước nhưng anh vẫn mong muốn chị **T** về chung sống để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có con chung là 01 con chung là **Bùi Trọng H**, sinh ngày 21/5/2018. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh và ông bà nội, cháu đang đi học trường mầm non ở **xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Tuy anh muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu không đoàn tụ được thì anh cũng có mong muốn được nuôi cháu **H**, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản xác minh ngày 18/01/2024 chính quyền địa phương **xã A** cung cấp như sau: Chị **T**, anh **T1** sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang** vào năm 2017. Sau đó tổ chức hôn lễ và sinh sống ở địa phương. Trong cuộc sống giữa chị **T**, anh **T1** hay xảy ra



mâu thuẫn, địa phương không nắm rõ mâu thuẫn từ đâu nhưng chị **T**, anh **T1** đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Vợ chồng chị **T**, anh **T1** có 01 con chung là cháu **Bùi Trọng H**, sinh năm 2018 hiện đang sống cùng anh **T1** và ông bà nội, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học mầm non tại xã.

\* Tại bản sao kê tài khoản của chị **Mai Thị T** ở **ngân hàng V** ngày 10/01/2024 xác định lương của chị **T**: tháng 9/2023 là 13.408.000 đồng, lương tháng 10/2023 là 11.274.000 đồng, lương tháng 11/2023 là 11.179.000 đồng.

\* Tại đơn xác nhận lương ngày 05/3/2024 của anh **Bùi Trọng T1** với Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất giấy và bao bì Duy Khánh xác định lương của anh **T1**: lương tháng 12/2023 là 9.800.000 đồng, lương tháng 01/2024 là 10.000.000 đồng, lương tháng 02/2024 là 10.000.000 đồng.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 69, Điều 70 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Mai Thị T**; Chị **Mai Thị T2** được ly hôn anh **Bùi Trọng T1**.

Về con chung: Giao cho anh **Bùi Trọng T1** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Bùi Trọng H**, sinh ngày 21/5/2018. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con các đương không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T3** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **T3** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004790 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị **Mai Thị T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo và quyền thi hành án đối với các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **T** xin ly hôn với anh **T1**; Anh **T1** có địa chỉ cư trú tại **huyện Y, tỉnh Bắc Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **T**, anh **T1** có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2017 tại **UBND xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị **T**, anh **T1**, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị **T**, anh **T1** chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh **T1** chơi bời, mâu thuẫn về kinh tế. Đến tháng 4/2023 mâu thuẫn trở lên trầm trọng, chị **T** về ngoại sinh sống và vợ chồng sống ly thân, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị **T** xin ly hôn anh **T1** là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là **Bùi Trọng H**, sinh ngày 21/5/2018. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh **Bùi Trọng T1** và ông bà nội, cháu đang đi học trường mầm non ở **xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Chị **T**, anh **T1** đều có thu nhập ổn định và đều đang chung sống cùng bố mẹ, không có nhà riêng nhưng xét thấy từ khi ly thân cháu **H** ở cùng anh **T1** và ông bà nội, hiện cháu **H** khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang đi học mầm non tại **xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Do đó để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu **H** cần giao cháu **H** cho anh **T1** chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị **T**, anh **T1** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **T**, anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị **Mai Thị T** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 4



81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Mai Thị T**: Xử cho chị **Mai Thị T** được ly hôn anh **Bùi Trọng T1**.

3. Về việc nuôi con: Giao cho anh **Bùi Trọng T1** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Bùi Trọng H**, sinh ngày 21/5/2018. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị **Mai Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004790 ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị **Mai Thị T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã An Thượng, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Hồng Thảo**